

Số: 17/2020/QĐST-KDTM

T, ngày 13 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 325/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2020/KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam tham gia tố tụng: Ông Phạm Anh Tuấn - Chức vụ: Chuyên viên Phòng công nợ

(Theo giấy ủy quyền số 1429/2017/GUQ –CB ngày 19/12/2017) – có mặt

*** Bị đơn: CÔNG TY TNHH MTV A**

Đại diện theo pháp luật: Ông A, sinh năm: 1979 Chức vụ: Giám Đốc Công ty; Chứng minh nhân dân số: 111516169, ngày cấp: 20/6/2001; Nơi cấp: CA Hà Tây (nay là H);

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 4 (nay là thôn Vĩnh Lộc 2), xã Phùng Xá, huyện T, thành phố H.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Chu Cao Th, sinh năm 1975;
- Chu Văn B, sinh năm 1962;
- Chu Văn H, sinh năm 1956;
- Bà Chu Thị H1, sinh năm 1969;

Cùng Nơi cư trú: Thôn 4 (xã P, huyện T, thành phố H.

- Bà Trần Thị Nụ, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, thành phố H;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH MTV dịch vụ A - Đại diện ông A (giám đốc) có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TM TNHH MTV Xây Dựng Việt Nam số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 030.0028/HĐTD/HM-2011 ngày 15/02/2011, tính đến ngày 15/3/2020 là: **14.357.160.000 đồng** (*Bằng chữ: mười bốn tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 3.450.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 228.690.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 10.678.470.000 đồng;

2. Về lãi suất: Công ty TNHH MTV dịch vụ A tiếp tục phải trả lãi phát sinh đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 030.0028/HĐTD/HM-2011 ngày 15/02/2011 kể từ ngày 16/3/2020 đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp Công ty TNHH MTV dịch vụ A không trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng Xây Dựng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại khối tài sản mà ông Chu Văn B, ông Chu Cao Th và bà Trần Thị Nụ đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật gồm:

3.1. Tài sản bảo đảm thứ nhất: Thửa đất số: 168, Tờ bản đồ số: 03. Địa chỉ: Cụm 4, xã Phùng Xá, huyện T, Thành phố H; Diện tích: 215m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số T 409955, số vào sổ GCN: 00046/QSDĐ/549-UB-H, do UBND huyện T – tỉnh Hà Tây (nay là TP H) cấp ngày 04/07/2002. Chủ sở hữu hộ ông Chu Văn B. Chi tiết về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho bên thứ ba, được công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 8 thành phố H. Số công chứng 178, quyền số 01 ngày 01/02/2010. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số công chứng 1644 quyền số 04 ngày 11/08/2010, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, Thành phố H ngày 04/02/2010.

3.2. Tài sản bảo đảm thứ hai: Thửa đất số: 49; Tờ bản đồ số: 2; Địa chỉ: Thôn 7, xã TX, huyện T, TP H; Diện tích: 40.5 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 494977, số vào sổ GCN: 0063a/QSDĐ/4974/QĐ-UB, do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là TP H) cấp ngày 24/09/2010. Chủ sở hữu ông Chu Cao Th. Chi tiết về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho bên thứ ba,

được công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 8 thành phố H. Số công chứng 2535, quyển số 04 ngày 22/11/2010 và đã được đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, Thành phố H ngày 22/11/2010.

4. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty TNHH MTV dịch vụ A theo các văn bản đã ký với Ngân hàng thì Công ty TNHH MTV dịch vụ A (người đại diện Ông A) có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Xây Dựng.

Trong trường hợp kê biên phát mãi tài sản thế chấp, thì những người đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp phải chuyển đi nơi khác để bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng hoặc cơ quan Thi hành án để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Công ty TNHH MTV dịch vụ A tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh sơ thẩm. Số tiền là 61.178.580 đồng (sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TM TNHH MTV Xây Dựng Việt Nam 58.848.000 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/07272 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS huyện T;
- TANDTP H; VKSNDTP H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu T